

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/KDTM-PT

Ngày 18 - 9 - 2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Lưỡng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trưởng

Ông Nguyễn Thành Công

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2026/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐ-PT ngày 19 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2026/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M1 (sau đây viết tắt là Công ty M1); trụ sở chính: Tòa nhà số C (4-1) (4-2) C104, số A, đường T, quận N, thành phố N, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Đức K sinh năm 1991; số định danh cá nhân: 00109091023581 và ông Lê Huy C sinh năm 1995; số định danh cá nhân: 001095000717; địa chỉ liên hệ: số H ngõ G, phường H, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự 609/HPHS 2025 ngày 05/9/2025 của T tại Hồ N, văn bản ủy quyền số 10/UQ/2025 ngày 20 - 8 - 2025 và văn bản ủy quyền lại ngày 28-10-2025):

2. Bị đơn: Công ty TNHH J (sau đây viết tắt là Công ty J); trụ sở: Khu công nghiệp Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1981; số định danh cá nhân 035181010699; địa chỉ; số A, đường T, phường P, tỉnh Ninh Bình là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 02/UQ-JYVN ngày 27 - 11 - 2025).

3. Người tham gia tố tụng khác:

- *Người đại diện theo pháp luật Công ty M1:* ông HU SHAO PENG, số hộ chiếu (PASSPORT) EJ5646443. Người phiên dịch cho người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông HU SHAO PENG: Bà Nguyễn Thị Thanh H sinh năm 1982; số định danh cá nhân: 037182009424 - Cử nhân ngôn ngữ Trung Quốc - Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số H đường C, phường C, thành phố Hà Nội;

- Người đại diện theo pháp luật Công ty L: ông Nguyễn Tiến Q - Giám đốc Công ty Luật TNHH L.

4. Người kháng cáo: bị đơn, Công ty TNHH J.

Tại phiên tòa có mặt: Ông HU SHAO PENG; bà Nguyễn Thị Thanh H; ông Lê Huy C; ông Lê Đức K; bà Trần Thị Thanh B; ông Nguyễn Tiến Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Công ty M1 và Công ty J đã thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa là các linh kiện điện tử để sản xuất sản phẩm điện tử. Do đã là đối tác lâu năm, các bên không ký kết hợp đồng mà thực hiện theo quy trình sau:

Công CUSTOM NAM gửi đơn đặt hàng qua email, điện thoại, các mạng xã hội, ứng dụng liên hệ trực tuyến (không đặt hàng bằng hình thức văn bản có ký đóng dấu);

Khi nhận được đơn đặt hàng, Công ty M1 sẽ xác nhận đơn hàng qua các phương thức trao đổi giữa các bên, thực hiện chuẩn bị, đóng gói hàng hóa, giao hàng bằng phương thức CIF cho Công ty J tại cảng đến;

Công ty M1 sẽ chuẩn bị các giấy tờ bao gồm tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu, vận đơn đường biển, hóa đơn thương mại của từng đơn hàng.

Công CUSTOM NAM nhận hàng tại cảng đến, lấy vận đơn và các chứng từ liên quan đến tiền hàng. Việc Công CUSTOM NAM nhận hàng tại cảng đến được xác định là Công ty M1 đã hoàn thành đơn hàng tương ứng. C2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty M1 với đơn hàng giao thành công.

Trong suốt quá trình thực hiện các giao dịch mua bán, hai bên không có khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa.

Ngày 20/08/2025, Công ty J xác nhận công nợ với Công ty M1 cụ thể:

Từ ngày 05/05/2022 đến ngày 13/03/2025, Công ty M1 đã cung cấp hàng hóa cho Công ty J với tổng giá trị là 6.915.063,72 USD (*Sáu triệu, chín trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi ba Đô la Mỹ và bảy mươi hai cent*);

Trong giai đoạn trên, Công ty J đã nhiều lần thanh toán cho Công ty M1 với tổng giá trị là 3.066.562,48 USD (*Ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi hai Đô la Mỹ và bốn mươi tám cent*);

Lần thanh toán cuối cùng của Công ty J vào ngày 03/01/2025.

Tổng số nợ mà C2 còn phải thanh toán cho Công ty M1 là 3.848.501,24 USD (*Ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ một Đô la Mỹ và hai mươi tư cent*).

(Biên bản đối chiếu công nợ trên được người đại diện ký, đóng dấu của Công ty J ngày 14/10/2025).

Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu đòi nợ nhưng C1 CUSTOM NAM không thanh toán, gây thiệt hại về tài chính cho Công ty M1, vì thế nguyên đơn đề nghị Toà án giải quyết:

Buộc Công ty J phải thanh toán Công ty M1 số tiền là 3.848.501,24 USD (*Ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ một Đô la Mỹ và hai mươi tư cent*) phát sinh từ các giao dịch, hợp đồng giữa hai bên, tương đương 101.511.917.207đ (*Một trăm lẻ một tỷ, năm trăm mười một triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm lẻ bảy Việt Nam đồng*);

Buộc Công ty J thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 13/03/2025 (Ngày đơn hàng cuối) đến ngày xét xử 15/5/2026 với lãi suất theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật thương mại (mức lãi suất nợ lãi là 10%/năm) và còn phải tiếp tục chịu lãi tới thời điểm thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm: người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông HU SHAO PENG có quan điểm thừa nhận Công ty M1 đã uỷ quyền cho Công ty L thực hiện quyền khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng với Công ty CUSTOM NAM; tại phiên tòa Công ty M1 giữ nguyên việc uỷ quyền cho Công ty Luật TNHH L. Nguyên đơn và người đại diện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, cụ thể: Buộc Công ty J NAM thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 14/03/2025 (ngày đơn hàng cuối) đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2026 với lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại (mức lãi suất vay USD (đô la Mỹ) và còn phải tiếp tục chịu lãi theo quy định của pháp luật tới thời điểm thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về việc mua bán hàng hóa: Do có quan hệ bạn hàng lâu năm, để có nguyên liệu sản xuất linh kiện điện tử, Công ty J đã gửi đơn đặt hàng đến Công ty M1. Các bên không có ký hợp đồng bằng văn bản mà thỏa thuận đặt hàng thông qua nhiều phương thức khác nhau như gửi email, điện thoại, ứng dụng liên hệ trực

tuyến. Khi nhận được đơn đặt hàng, Công ty M1 sẽ xác nhận đơn đặt hàng thông qua các phương thức đặt hàng trao đổi giữa hai bên, thực hiện chuẩn bị đóng gói hàng hóa và gửi hàng cho Công ty J bằng nhiều phương thức khác nhau như CIF, ExW, FCA, FOB tại cảng đến. Công ty M1 sẽ xuất hóa đơn thương mại bằng cách gửi file excel hoặc file pdf chứ không gửi bản cứng cho Công ty J theo địa chỉ Khu Công nghiệp Đ, phường Đ, Thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình). Khi hàng hóa về tới cảng H, cửa khẩu H1 - Lạng Sơn hoặc sân bay N, Công ty J tiến hành khai hải quan và nhận hàng. Nguyên liệu sản xuất linh kiện điện tử là các móc/quai/vòng kẹp hình chữ U, cầu đầu dây, khung màn chắn, đĩa phủ, nam châm, nắp chống bụi... Các bên không có thỏa thuận cụ thể về thời gian thanh toán. Công ty J thực hiện thanh toán dần cho các đơn hàng trước, thông thường là sau khoảng thời gian 90 ngày kể từ ngày nhận được hàng hoá, Công ty J bán được sản phẩm, được thanh toán thì Công ty J mới có thể thanh toán lại cho Công ty M1. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền ngoại tệ (đô la Mỹ) thông qua chuyển khoản. Các bên cũng không có bất cứ thỏa thuận nào về trả lãi cho việc thanh toán chậm. Các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng đối với quan hệ mua bán giao dịch giữa hai bên cũng như cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Quá trình đặt hàng giao dịch diễn ra từ nhiều năm nay và hai bên đều thực hiện rất nghiêm túc, thiện chí đối với các đơn hàng đã giao dịch. Tuy nhiên, từ giữa năm 2023 đến nay, việc sản xuất kinh doanh của Công ty J gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nhiều. Công ty mẹ của Công ty J ở Hàn Quốc cũng đang gặp khó khăn phải yêu cầu Tòa án cho phép tái cơ cấu nợ, hoạt động dưới sự giám sát để bảo đảm cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phục hồi khả năng thanh toán, không có tiền để tiếp tục đầu tư vào sản xuất cho Công ty J. Do vậy, việc thanh toán các khoản công nợ của Công ty J cho Công ty M1 gặp nhiều khó khăn. Công ty J và Công ty M1 đã nhiều lần trao đổi, bàn bạc về phương án thanh toán khoản công nợ giữa hai bên thông qua việc chuyển nhượng dự án của Công ty J cho Công ty M1 nhưng chưa đạt được sự đồng thuận.

Ngày 14/10/2025, ty L cử người đến Công ty J gửi văn bản và đề nghị ký xác nhận công nợ. Trên cơ sở văn bản này, Công ty J đã ký vào Biên bản xác nhận công nợ. Theo biên bản này, tính đến ngày 20/8/2025, tổng giá trị hàng hóa mà nguyên đơn bán cho bị đơn trong giai đoạn từ ngày 05/05/2022 đến ngày 20/8/2025 là 6.915.063,72 USD (Sáu triệu chín trăm mười năm nghìn không trăm sáu ba đô la Mỹ và bảy mươi hai cent). Tổng giá trị mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 3.066.562,48 USD (Ba triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi hai đô la Mỹ và bốn mươi tám cent). Bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent).

Nay nguyên đơn khởi kiện thì bị đơn có quan điểm như sau:

Công CUSTOM NAM xác định đến thời điểm hiện nay còn nợ khoản tiền chưa thanh toán cho Công ty M1 TANCY trong giai đoạn từ ngày 05/05/2022 đến ngày 20/8/2025 là 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent) như trong Biên bản xác nhận công nợ

mà hai bên đã ký ngày 14/10/2025. Tuy nhiên, tình hình sản xuất kinh doanh của Công CUSTOM NAM đang gặp rất nhiều khó khăn. Từ tháng 4/2025 đến nay, Công CUSTOM NAM đã phải dừng sản xuất. Vì vậy, Công CUSTOM NAM đề nghị được thanh toán chậm, làm nhiều đợt khoản nợ gốc tiền hàng này. Công CUSTOM NAM đang nỗ lực, cố gắng tìm kiếm giải pháp để có nguồn tiền thanh toán cho các đơn hàng còn nợ.

Về khoản tiền lãi, Công CUSTOM NAM không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 13/03/2025. Bởi lẽ, giữa Công ty J và Công ty M1 không có thỏa thuận về thời điểm thanh toán mua hàng cụ thể. Hơn nữa, ngày 14/10/2025, Công ty J và Công ty M1 mới ký biên bản xác nhận công nợ. Đây là biên bản công nợ duy nhất từ khi giao dịch mua bán đến nay mà hai công ty ký xác nhận với nhau. Quá trình nợ tiền hàng, Công ty M1 chưa bao giờ có văn bản chính thức gửi Công CUSTOM NAM yêu cầu đòi thanh toán tiền hàng.

Về những nội dung khác: Giao dịch mua bán giữa Công ty J và Công ty M1 đã diễn ra trong một thời gian rất dài. Đây là việc mua bán hàng quốc tế. Giữa các bên không có hợp đồng bằng văn bản cụ thể mà chỉ giao dịch thông qua các đơn đặt hàng. Trong suốt thời gian giao dịch giữa hai bên, Công ty J chưa bao giờ nhận được bất cứ văn bản chính thức nào từ phía Công ty M1 yêu cầu Công ty J thanh toán tiền hàng. Theo quy định pháp luật, thời hiệu yêu cầu khởi kiện đối với nhiều đợt thanh toán tiền hàng đã hết. Vì vậy, Công CUSTOM NAM đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với những đơn hàng đã hết thời hiệu khởi kiện. Đây là hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, các bên không có thỏa thuận chọn luật áp dụng. Các tài liệu về hợp pháp hóa lãnh sự có trong hồ sơ vụ án chưa đảm bảo độ tin cậy và hợp pháp theo quy định.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm: người đại diện của bị đơn cho rằng thủ tục uỷ quyền của Công ty M1 cho ty L là chưa đảm bảo vì vậy bị đơn đề nghị HĐXX đình chỉ giải quyết vụ án; về lãi suất nguyên đơn yêu cầu là không đúng, đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình đã quyết định:

Áp dụng:

- Điều 30; 35; 39; 147; 244; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 5, Điều 24; Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 Luật thương mại;
- Điều 7 Pháp lệnh ngoại hối;
- Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có hiệu lực tại Trung Quốc từ năm 1988 và có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/01/2017.

- Nghị quyết 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty TNHH M1 đối với Bị đơn Công ty TNHH J về việc thanh toán số tiền còn nợ theo các Đơn hàng mua bán giữa hai bên. Theo đó:

1.1. Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty TNHH M1 TANCY toàn bộ số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính đến ngày 15/5/2026 là: 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent) tương đương với quy đổi VNĐ (ngày 15/5/2026) là 100.665.246.934đ.

1.2. Buộc Công ty TNHH J phải thanh toán cho Công ty TNHH M1 số tiền nợ lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán (là 3.848.501,24 USD) tính từ ngày 14/3/2025 đến ngày 15/5/2026 là: 370.307,53USD, quy đổi tương đương với VNĐ tại ngày 15/5/2026 là 9.686.134.167VNĐ.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH J phải nộp: 218.351.000đ.

Trả lại cho Nguyên đơn Công ty TNHH M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 107.000.000đ (Một trăm linh bảy triệu đồng) theo biên lai số 0002384 ngày 29/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

Ngày 25-5-2026, Công ty J là bị đơn trong vụ án kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phân tích các tình tiết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử, sửa bản án sơ thẩm 02/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo hướng: Xác định lại thời điểm tính lãi chậm trả từ 15/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2026; xác định lại mức lãi suất nợ quá hạn bằng đồng USD tại thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đương sự không phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty J làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Các đương sự đều thống nhất thừa nhận:

Công ty J và Công ty M1 có quan hệ bạn hàng lâu năm, để có nguyên liệu sản xuất linh kiện điện tử, Công ty J sản xuất linh kiện điện tử là các móc/quai/vòng kẹp hình chữ U, cầu đầu dây, khung màn chắn, đĩa phủ, nam châm, nắp chống bụi... của Công ty M1. Các bên không ký hợp đồng bằng văn bản mà thỏa thuận đặt hàng thông qua nhiều phương thức khác nhau như gửi email, điện thoại, ứng dụng liên hệ trực tuyến. Khi nhận được đơn đặt hàng, Công ty M1 sẽ xác nhận đơn đặt hàng thông qua các phương thức đặt hàng trao đổi giữa hai bên, thực hiện chuẩn bị đóng gói hàng hóa và gửi hàng cho Công ty J bằng nhiều phương thức khác nhau như CIF, , FCA, FOB tại cảng đến ở Việt Nam. Công ty M1 sẽ xuất hóa đơn thương mại bằng cách gửi file excel hoặc file pdf chứ không gửi bản cứng cho Công ty J theo địa chỉ Khu Công nghiệp Đ, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình). Khi hàng hóa về tới cảng H, cửa khẩu H1 - Lạng Sơn hoặc sân bay N, Công ty J tiến hành khai hải quan và nhận hàng. Các bên không có thỏa thuận cụ thể về thời gian thanh toán. Trong suốt quá trình thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa, hai bên không có khiếu nại về số lượng, chất lượng hàng hóa.

Từ ngày 05/05/2022 đến ngày 20/8/2025, Công ty M1 đã cung cấp hàng hóa cho Công ty J với tổng giá trị là 6.915.063,72 USD (*Sáu triệu, chín trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi ba Đô la Mỹ và bảy mươi hai cent*). C2 đã nhiều lần thanh toán cho Công ty M1 với tổng giá trị là 3.066.562,48 USD (*Ba triệu, không trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm sáu mươi hai Đô la Mỹ và bốn mươi tám cent*). Lần thanh toán cuối cùng của Công ty J vào ngày 03/01/2025.

[3] Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2025 được người đại diện của Công ty J ký, đóng dấu đã xác nhận tổng số nợ mà Công ty J còn phải thanh toán cho Công ty M1 là 3.848.501,24 USD (Ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ một Đô la Mỹ và hai mươi tư cent).

[4] Như vậy, đến ngày 20/8/2025 các bên đã chấm dứt việc thực hiện hợp đồng. Ngày 14/10/2025 Công ty J đã xác định nghĩa vụ phải trả cho Công ty M1 theo các hóa đơn thương mại là 3.848.501,24 USD (Ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ một Đô la Mỹ và hai mươi tư cent), tức là các bên không tranh chấp hợp đồng nữa.

[5] Theo đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 23/9/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Công ty J phải trả cho Công ty M1 số tiền là 3.848.501,24 USD (Ba triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm lẻ một Đô la Mỹ và hai mươi tư cent) phát sinh từ các giao dịch, hợp đồng giữa hai bên, tương đương 101.511.917.207đ (một trăm lẻ một tỷ, năm trăm mười một triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm lẻ bảy Việt Nam đồng); Buộc Công ty J thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 13/03/2025 (ngày đơn hàng cuối) đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật thương mại (mức lãi suất nợ lãi là 10%/năm) và còn phải tiếp tục chịu lãi tới thời điểm thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ gốc. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về kinh doanh thương mại “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là không đúng. Tình tiết này tương tự tình huống án lệ số 81/2025/AL về xác định tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025 và được công bố theo Quyết định số 339a/QĐ-CA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên theo đúng bản chất của giao dịch là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[6] Sau khi xác định lại quan hệ pháp luật thì quan hệ pháp luật mới không làm thay đổi thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đúng với bản chất của tranh chấp thuộc quan hệ pháp luật về nghĩa vụ dân sự. Việc Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật không làm ảnh hưởng đến việc thu thập chứng cứ, không làm hạn chế quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự.

[7] Mặt khác, Công CUSTOM NAM đã xác định khoản tiền chưa thanh toán cho Công ty M1 là 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent) như trong Biên bản xác nhận công nợ mà hai bên đã ký ngày 14/10/2025. Từ tháng 4/2025 đến nay, Công CUSTOM NAM đã phải dừng sản xuất. C2 đề nghị được thanh toán chậm, làm nhiều đợt khoản nợ gốc tiền hàng này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent) là có cơ sở.

[8] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn về việc xác định thời điểm tính lãi chậm thanh toán.

Biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2025 các bên không thoả thuận về thời hạn thanh toán cũng như lãi suất chậm trả. Do đó, cần xác định thời gian tính lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 15/10/2025 (ngày tiếp theo của ngày ký biên bản) đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất chậm trả và thời gian tính lãi chậm trả để đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Thời gian chậm thanh toán là từ ngày 15/10/2025 đến ngày tuyên án sơ thẩm là 15/5/2026 là 213 ngày. Khoản tiền lãi chậm trả được xác định: $3.848.501,24 \text{ USD} \times 10\%/\text{năm} \times (213/365) \text{ ngày} = 224.583,77 \text{ USD}$.

[9] Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn nội dung ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

Công ty M1 đã ủy quyền cho ty L, văn bản ủy quyền được người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn lập bằng hai ngôn ngữ, tiếng Anh và tiếng Việt; nội dung ủy quyền được lập bằng tiếng Việt đã được đóng dấu giáp lai của Công ty M1, được người đại diện theo pháp luật của Công ty M1 ký, đóng dấu; được hợp pháp hoá lãnh sự theo đúng quy định. Sau khi có ý kiến của bị đơn thì nguyên đơn đã có văn bản giải trình, được hợp pháp hoá lãnh sự. Tại văn bản giải trình người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn khẳng định nguyên đơn đã ủy quyền cho ty L. Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông HU SHAO PENG đã xác nhận nội dung ủy quyền cho Công ty L và giữ nguyên việc ủy quyền cho ty L như nội dung văn bản ủy quyền được hợp pháp hóa lãnh sự 609/HPHS 2025 ngày 05/9/2025 của T tại Hồ N.

Như vậy, việc ủy quyền của Công ty M1 TANCY cho ty Luật TNHH Phú Quý là đúng quy định của pháp luật và có hiệu lực. Nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng việc ủy quyền của Công ty M1 cho ty L là không đúng quy định và đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 81/2025/AL về xác định tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2025 và được công bố theo Quyết định số 339a/QĐ-CA ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn

Công ty J. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

2. Căn cứ: các Điều 53, 54, 58, 78 Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có hiệu lực tại Trung Quốc từ năm 1988 và có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 01/01/2017; các Điều 357, 468, 663, 664, 665 Bộ luật Dân sự của N; các Điều 464, 465, 467, 468, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự của N; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 7 Pháp lệnh Ngoại hối của N; Nghị quyết 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Buộc Công ty TNHH J phải trả cho Công ty TNHH M1 số tiền: 3.848.501,24 USD (Ba triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm lẻ một đô la Mỹ và hai mươi tư cent) tương đương với quy đổi VNĐ (ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2026 Ngân hàng N1 công bố tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ là 25.131 đồng/USD) là 96.716.684.662 đ chín mươi sáu tỷ bảy trăm mười sáu triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

2.2. Buộc Công ty TNHH J phải trả cho Công ty TNHH M1 số tiền chậm trả trên số tiền phải trả (là 3.848.501,24 USD) tính từ ngày 15/10/2025 đến ngày 15/5/2026 là: 224.583,77 USD, quy đổi tương đương với VNĐ (ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2026 Ngân hàng N1 công bố tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ là 25.131 đồng/USD) là 5.644.014.725 đ Năm tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu không trăm mười bốn nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Về án kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH J phải nộp 210.360.699 đ Hai trăm mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Trả lại cho nguyên đơn Công ty TNHH M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 107.000.000đ (Một trăm linh bảy triệu Việt Nam đồng) theo biên lai số 0002384 ngày 29/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

4. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH J không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trả lại khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đ (hai triệu Việt Nam đồng) mà Công ty TNHH J đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001582 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 34, Điều 36, Điều 71 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình (1);
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình (2);
- THADS tỉnh Ninh Bình (1);
- Các đương sự (2);
- Phòng GD, KTr, TTr-THA (1);
- Phòng TCCB (1);
- Lưu VT, TDS, hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Huy Lưỡng